



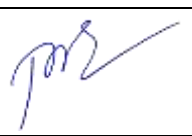



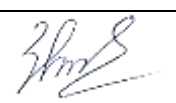







UBND THÀNH PHỐ MÓNG CÁI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÀO PHÚC LỘC

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ  
NĂM HỌC 2024 – 2025**

TRẦN PHÚ - (NĂM 2025)

## DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Cao Thị Hoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Lê Thị Kim Thụy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Lưu Thị Thu Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Nguyễn Thu Phương	GV Tin học	Thư ký HĐ	
5	Nguyễn Thị P Nhung	GV Tổ 3	Thư ký HĐ	
6	Nguyễn Thị Trà Mi	Tổ trưởng tổ 1	Ủy viên HĐ	
7	Lê Thị Ngọc Dung	Tổ trưởng tổ 2	Ủy viên HĐ	
8	Nguyễn T Hồng Xiêm	Tổ trưởng tổ 3	Ủy viên HĐ	
9	Nguyễn Thùy Linh	Tổ phó tổ 4	Ủy viên HĐ	
10	Nguyễn Bích Hoài	Tổ phó tổ 5	Ủy viên HĐ	
11	Hoàng Hồng Hà	Tổ phó Tổ 1	Ủy viên HĐ	
12	Nguyễn Thị Vui	Tổ phó Tổ 3	Ủy viên HĐ	
13	Phạm Thị Thanh Thảo	Tổ phó tổ 4	Ủy viên HĐ	
14	Nguyễn Thị Điệp Hoàn	Tổ trưởng tổ 5	Ủy viên HĐ	

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	...
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	1
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	3
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	3
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	4
<b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ</b>	4
<b>1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</b>	4
Mở đầu	4
Tiêu chí 1.1	4
Tiêu chí 1.2	6
Tiêu chí 1.3	10
Tiêu chí 1.4	12
Tiêu chí 1.5	12
Tiêu chí 1.6	13
Tiêu chí 1.7	16
<b>2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 2.1	17
Tiêu chí 2.2	18
Tiêu chí 2.3	20
Tiêu chí 2.4	22
<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	23
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

*(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)*

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
<i>Nhóm tiêu chí 1</i>			
Tiêu chí 1.1			
Tiêu chí 1.2			
Tiêu chí 1.3			x
Tiêu chí 1.4			x
Tiêu chí 1.5			
Tiêu chí 1.6			x
Tiêu chí 1.7		x	
<i>Nhóm tiêu chí 2</i>			
Tiêu chí 2.1			
Tiêu chí 2.2			
Tiêu chí 2.3			x
Tiêu chí 2.4			x

**Kết quả: Đạt Mức độ 2**

**2. Kết luận: Đạt mức độ 2**

## **Phần I**

### **CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Quảng Ninh

Huyện/quận /thị xã / thành phố: Móng Cái

Xã / phường/thị trấn: Trần Phú

Điện thoại:

Fax

Email: thdaophucloc@pgdmongcai.edu.vn

Đạt mức độ chuyển đổi số:

#### **1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên**

Tổng số học sinh: 996

Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 42 trong đó chia ra:

CBQL: 03 đồng chí

Giáo viên: 37 đồng chí

Nhân viên: 02 đồng chí

#### **2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số**

100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đều có chứng chỉ tin học đạt chuẩn theo yêu cầu của ngành. Nhà trường đã bước đầu quan tâm chú trọng tới công tác bồi dưỡng đội ngũ có các kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số như: kỹ năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác sử dụng hiệu quả, các ứng dụng phục vụ công việc giảng dạy, quản trị nhà trường. Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến chương trình ETEP để thực hiện việc bồi dưỡng trực tuyến các modul theo quy định.

100% giáo viên trực tiếp của nhà trường đã khai thác, ứng dụng CNTT ở cấp độ cơ bản thông dụng trong dạy học tương đối đảm bảo. 80% các đồng chí đã thực hiện khá tốt việc chỉnh sửa, thiết kế chuẩn bị học liệu bằng các công cụ quen thuộc như powerpoint; chuyển bài giảng powerpoint thành video.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công: Phần mềm QLTH (SMAS); Phần mềm kế toán; Phần mềm quản lý cán bộ... Thực hiện quản lý nhân sự, học sinh, chất lượng giáo dục, hồ sơ sổ sách.... hoàn toàn trên môi trường số. Thực hiện báo cáo, trao đổi văn bản bằng hệ thống Email của ngành cấp và trên phần mềm Quản lý văn bản do tỉnh cấp tại địa chỉ <https://congchuc.quangninh.gov.vn/>

100% văn bản đi được kí số hoặc được kí số toàn trình trên Quản lý văn bản.

Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất và nhân lực để thực hiện việc chuyển đổi số trong năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo cơ bản để thực hiện chuyển đổi số.

#### **2. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin**

Nhà trường được trang bị 30 máy chiếu đảm bảo cho 28 lớp học và các phòng

học bộ môn. Hệ thống mạng internet, nhà trường sử dụng 02 đường truyền 01 dành cho ban giám hiệu, văn thư sử dụng 01 đường truyền dành cho các lớp học. Hệ thống wifi đảm bảo sử dụng cho toàn bộ cán bộ, giáo viên, công nhân viên trong trường và cho khách đến làm việc tại trường.

Máy tính: tổng số máy tính toàn trường 6 máy trong đó máy phục vụ cho ban giám hiệu, y tế, phòng đội, phòng kế toán...Có 01 phòng học trải nghiệm trang bị Smart Board MX series và các thiết bị phụ trợ để thực hiện dạy tương tác.

Ngoài ra nhà trường được trang bị một số trang thiết bị (như máy in, bộ thiết bị phục vụ họp trực tuyến) tương đối đáp ứng được yêu cầu cho chuyển đổi số.

### **3. Các số liệu khác (nếu có)**

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Tiểu học Đào Phúc Lộc là một trường thuộc phường trung tâm của thành phố Móng Cái. Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, nhiệt tình trong công tác ham học hỏi và có khả năng nắm bắt, tiếp cận CNTT và ứng dụng CNTT vào công việc tốt.

Trong công tác quản lý nhà trường, được sự quan tâm của sở GDĐT; Phòng GDĐT nhà trường đã triển các phần mềm phục vụ cho hoạt động của trường học: Phần mềm Quản lý trường học (Quản lý giáo viên; học sinh; sức khỏe học sinh; hồ sơ sổ sách của giáo viên và học sinh) tại địa chỉ <https://qlth.quangninh.edu.vn/>; Phần mềm cơ sở dữ liệu ngành tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn/> phần mềm kế toán MISA; phổ cập giáo dục... Năm học 2024 – 2025 nhà trường tiếp tục triển khai các phần mềm tuyển sinh đầu cấp <https://quangninh.tsdc.edu.vn/>; Học bạ điện tử <https://hocba.edu.vn/>. Cấp 100% chữ kí số cho cán bộ, giáo viên trong nhà trường phục vụ công tác số hóa hồ sơ.

Học sinh của trường đều sinh sống chủ yếu trên địa phương và một số phường khác như phường , Ka Long. Được cha mẹ quan tâm tạo điều kiện cho học tập cũng như có điều kiện tiếp xúc, sử dụng một số thiết bị thông minh như: máy tính, ipad, smartphone...

##### **2. Mục đích tự đánh giá**

Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên học sinh cũng như phụ huynh học sinh về ý nghĩa, tác dụng của chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số ở nhà trường và nhân dân trong phường.

Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường.

Đảm bảo thực hiện kiểm tra, đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số trong đơn vị. Trong quá trình tự đánh giá, thực hiện thu thập, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

##### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Nhà trường đã thực hiện quá trình tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của các cấp. Trong quá trình xây dựng kế hoạch tự đánh giá tìm giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị một cách cụ thể, chi tiết thì vấn đề cần giải quyết đó chính là việc đánh giá phân tích thực trạng của đơn vị. Đây là vấn đề mà nhà trường rất quan tâm chú trọng bởi từ việc xác định đúng được thực trạng thì mới có những biện pháp phù hợp và khả thi. Đồng thời trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện

một số giải pháp và bước đầu đã có phần nào kết quả như: xây dựng được kho học liệu dùng chung trong nhà trường, bồi dưỡng về CNTT cho đội ngũ để vận dụng vào công việc. Từ việc tự đánh giá nhà trường đã nhận định được những tồn tại, mặt còn hạn chế để có kế hoạch điều chỉnh bổ sung như: trình độ, năng lực đội ngũ, cơ sở hạ tầng CNTT.... Trong quá trình thu thập và xử lý phân tích minh chứng để tự đánh giá mức độ đạt các tiêu chí đã nhận thấy đơn vị còn nhiều các nội dung, văn bản và những vấn đề cần phải có sự điều chỉnh, bổ sung kiện toàn.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ**

#### **1. Nhóm Tiêu chuẩn 1: Chuyển đổi số trong dạy, học.**

##### **Mở đầu:**

Chuyển đổi số trong giáo dục là chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá. Như vậy chuyển đổi số chính là ứng dụng công nghệ kỹ thuật số và hệ thống thông tin internet vào lĩnh vực giáo dục để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục. Giúp tạo ra môi trường học tập nơi mà mọi thứ kết nối với nhau. Sự kết hợp mới mẻ của công nghệ, bảo mật nhằm thu hẹp khoảng cách địa lý để tạo ra trải nghiệm trong học tập, đồng thời tăng cường sự tương tác của mọi người. Chuyển đổi số mang lại cơ hội áp dụng công nghệ để tạo ra những thay đổi nhanh chóng về mô hình, cách thức tổ chức và phương pháp dạy và học. Nhiều mô hình giáo dục thông minh đang được phát triển trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin; hỗ trợ đắc lực việc cá nhân hoá học tập. Việc truy cập kho kiến thức vô tận trên môi trường mạng được thực hiện nhanh chóng, dễ dàng; giúp việc tương tác giữa gia đình, nhà trường, giáo viên, học sinh... gần như tức thời. Không chỉ đơn giản là quá trình thay đổi cách dạy, cách học hay chuyển từ dạy và học trực tiếp sang dạy học trực tuyến trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trên cơ sở điều kiện thực tế tại đơn vị, nhà trường xây dựng ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến và tổ chức triển khai những phần mềm sử dụng dạy học trực tuyến. Tổ chức xây dựng học liệu cũng như tiến hành kiểm duyệt các học liệu đã số hoá. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trên phòng máy tính. Để thực hiện chuyển đổi số trong dạy, học phải có sự phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số và đảm bảo hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học.

#### **Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Năm học 2024-2025 nhà trường xây dựng Kế hoạch số 505/KH-THĐPL ngày 05/10/2024 về tổ chức dạy học trực tuyến (Kết hợp với dạy học trực tiếp).

Trong đó thực hiện áp dụng hình thức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GD&ĐT, triển khai thực hiện cụ thể các nội dung hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và phù hợp với

thực tế tình hình, điều kiện, nhu cầu của nhà trường, đồng thời phối hợp với phụ huynh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến đảm bảo tổ chức dạy học trực tuyến an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng. Đã góp phần hoàn thành kế hoạch năm học và đạt tỷ trọng 2% nội dung chương trình giáo dục được triển khai dưới hình thức trực tuyến.

Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày theo Kế hoạch số 469/KH-THĐPL ngày 26/09/2024 về Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025. Đến nay 100% Giáo viên nhà trường có chứng chỉ CNTT từ chứng chỉ Tin học B trở lên trong đó có GV có trình độ Đại học Tin học, đặc biệt 100% CBGV sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học trực tuyến như phần mềm Zoom Cloud Meeting, Google Meet. Ngoài ra CBQL, giáo viên nhà trường đã tham gia đầy đủ tập huấn trực tuyến theo chương trình ETEP – Chương trình GDPT năm 2018 theo các Modun.

Trong năm học 2024-2025 mỗi giáo viên bộ môn thực hiện xây dựng được ít nhất 01 bộ câu hỏi và 01 bài giảng điện tử phục vụ hoạt động dạy và học của bộ môn tại đơn vị và bổ sung vào kho tài nguyên của trường và kho dữ liệu dùng chung của ngành.

Động viên, khuyến khích giáo viên tích cực dạy học trực tuyến nhằm hỗ trợ dạy học trực tiếp qua việc thiết kế hoạt động dạy học bằng công cụ như Quizizz hay Padlet... cho phép HS sử dụng điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng để tra cứu thông tin trực tuyến hoàn thành nhiệm vụ học tập. 100% giáo viên bộ môn thực hiện nội dung chuyển đổi số được lồng ghép, tích hợp trong chương trình giảng dạy như sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến; Khai thác sử dụng hiệu quả nguồn học liệu lịch sử, địa lý của địa phương tại địa chỉ <http://mongcai.gov.vn>.

## **2. Điểm mạnh:**

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024-2025. Nội dung kế hoạch dạy học trực tuyến đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của Phòng GD&ĐT thị xã.

Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 của nhà trường có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến;

Nhà trường đã xây Kế hoạch số 469/KH-THĐPL ngày 26/09/2024 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ UDCNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025, trong đó có nội dung triển khai tổ chức dạy học trực tuyến trong nhà trường; đồng thời xây dựng Kế hoạch số 644/KH-THĐPL ngày 12/12/2023 về thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025 định hướng đến năm 2030

100% đội ngũ CBGV NV đều có trình độ Tin học, cụ thể: 01 giáo viên trình độ Đại học Tin học và còn lại là chứng chỉ trình độ B.

Nhà trường đã tích cực động viên, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia thực hiện nội dung chuyển đổi số được lồng ghép, tích hợp trong chương trình giảng dạy. Nhà trường đã xây dựng được kho học liệu số của trường tại địa chỉ <https://drive.google.com/drive/u/2/folders/1DiLejTCDoHwgenlHcNIAzGyWg54wUExI> trên hệ thống của ngành có Bài giảng điện tử; Giáo án; Kế hoạch lên lớp; Bài giảng E-learning; Tư liệu tham khảo;...

### 3. Điểm yếu

Cơ sở hạ tầng (chưa có phòng Tin học) chưa đáp ứng được tốt nhất cho việc dạy và học trực tuyến.

Việc thiết lập lưu hình ảnh minh chứng về các tiết dạy trực tuyến năm học 2024-2024 còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Kinh Phí
Xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến có các giải pháp hữu hiệu hơn để đạt chỉ tiêu đề ra.	Năm học 2024-2025	Ban lãnh đạo nhà trường	Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác tham mưu góp ý bổ sung để xây dựng vào bản kế hoạch mang tính khả thi cao.	Không
Tiếp tục tổ chức dạy học trực tuyến các môn hoạt, HĐGD cần phù hợp với thực tế tình hình, điều kiện, đặc trưng của nhà trường.	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng	Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường Cần có sự phối hợp, tham gia, tạo điều kiện của CMHS	Không
Tổ chức lưu trữ minh chứng về tổ chức dạy học trực tuyến khoa học hơn	Năm học 2024-2025	Ban CNTT	GV cung cấp hình ảnh tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến	Không

### 4. Tự đánh giá: Đạt

#### Tiêu chí 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (Ban hành kèm theo kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến hàng năm)

#### 1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2024-2025, căn cứ vào Kế hoạch số 505/KH-THĐPL ngày 05/10/2024 về việc ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024-2025, Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường theo quy định tại

Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GD&ĐT phù hợp với thực tế tình hình, điều kiện thực tế của nhà trường, giáo viên và học sinh.

Văn bản này quy định việc áp dụng hình thức dạy học trực tuyến (DHTT) đối với các chương trình dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 (lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4) và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (lớp 5). Việc thực hiện kế hoạch giáo dục trực tuyến nhằm mục tiêu hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp, giúp các nhà trường linh động trong tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục và hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện thực tiễn tại đơn vị; góp phần nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

### **1.1. Cách thức triển khai dạy học trực tuyến**

Phần mềm ứng dụng dạy học: Zoom meeting (Mỗi lớp 01 tài khoản Zoom cố định dành cho cả giáo viên và học sinh). Giáo viên, cán bộ quản lý tham gia các hoạt động tập huấn sử dụng phần mềm này do trường tổ chức và phải có trách nhiệm nghiên cứu, sử dụng hiệu quả các tính năng kỹ thuật để đáp ứng các yêu cầu DHTT.

DHTT của Nhà trường thực hiện trên cơ sở biên chế các lớp như trong dạy học truyền thống thông qua phần mềm Zoom trên máy tính và thiết bị khác có kết nối Internet;

Khuyến khích Giáo viên sử dụng đa dạng các ứng dụng hoặc dịch vụ của internet để tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, bao gồm: Dạy học thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS - Learning Management System) hoặc hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS - Learning Content Management System), có thể sử dụng các ứng dụng và phần mềm sau: Viettel Study, ứng dụng Smart Edu; lớp học trực tuyến FISchool.vn; phần mềm Shub (Shubclassroom) hoặc phần mềm khác phù hợp với năng lực ứng dụng CNTT của giáo viên. Trên cơ sở báo cáo Ban giám hiệu thống nhất triển khai thực hiện để đảm bảo thuận lợi nhất trong quá trình dạy học và tiếp nhận kiến thức cho giáo viên và học sinh.

Bên cạnh việc dạy học trực tuyến, giáo viên xây dựng đề cương ôn tập, thiết kế các nội dung bài học theo chủ đề kiến thức, các dự án học tập, phiếu học tập chuyển đến học sinh bằng các hình thức: qua zalo nhóm lớp, facebook, email... để học sinh nghiên cứu bài, củng cố và mở rộng kiến thức dưới sự giám sát, kiểm tra, đánh giá của giáo viên bộ môn. Việc xây dựng đề cương, nội dung bài học phải theo Kế hoạch dạy học đã xây dựng và được lãnh đạo nhà trường phê duyệt theo các bước: yêu cầu cần đạt; các nội dung chính học sinh cần nắm được; các bước, phương pháp, cách thức để tiếp nhận và vận dụng nội dung bài mới; câu hỏi bài tập để kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh...

Lưu đầy đủ thông tin tham gia học của từng học sinh để có cơ sở đánh giá; Tổ chức quản lý quá trình học tập của học sinh, giám sát hoạt động học của học sinh trên hệ thống theo cấu trúc quản lý nhà trường (lớp/khối/môn).

## **1.2. Môn học và thời gian quy định dạy học trực tuyến**

Môn học được lựa chọn DHTT phải được thiết kế phù hợp với phương thức tổ chức giảng dạy trực tuyến và điều kiện cụ thể của trường, đảm bảo các yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, thái độ, đáp ứng các mục tiêu giáo dục bộ môn;

Thời gian học trực tuyến: do giáo viên thống nhất thông báo cho học sinh thời lượng theo chủ đề, theo từng tiết hoặc các nội dung học tập hỗ trợ cho học sinh. Các tổ bộ môn thống nhất nội dung, thời gian, quy trình DHTT và công khai cho học sinh lớp mình dạy;

## **1.3. Tổ chức giảng dạy, theo dõi các môn học trực tuyến**

Trên cơ sở Kế hoạch, nội dung DHTT của Tổ chuyên môn đã được Hiệu trưởng phê duyệt, nhà trường cấp tài khoản cố định của Giáo viên, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp,...

Khi tổ chức DHTT, giáo viên có trách nhiệm điểm danh học sinh; chủ nhiệm lớp có trách nhiệm kiểm tra, giám sát. Kết quả điểm danh của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm là cơ sở để làm điều kiện kiểm tra, thì hết môn học học phần theo quy định; kết quả kiểm tra, giám sát của chủ nhiệm lớp là cơ sở để xác nhận giờ giảng phục vụ công tác báo cáo.

## **1.4. Đánh giá và công nhận kết quả học tập và đánh giá của môn học dạy học trực tuyến**

Giáo viên phụ trách các môn học trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các bài kiểm tra trên hệ thống dạy học qua Internet (Giáo viên có thể linh hoạt lấy điểm kiểm tra thường xuyên của học sinh bằng nhiều hình thức: qua phiếu học tập hoặc qua các câu hỏi tương tác trực tuyến...). Giáo viên nhận bài làm của học sinh, đánh giá mức độ nhận thức của học sinh ở mỗi đơn vị kiến thức từ đó có kế hoạch hỗ trợ phù hợp, đảm bảo học sinh nắm được kiến thức theo chuẩn cần đạt ở mỗi môn.

Các môn học học sinh đã tham gia học theo hình thức tổ chức dạy học nêu trên sẽ được kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập lấy điểm kiểm tra thường xuyên và học tiếp chương trình theo tiến độ nếu đạt chuẩn yêu cầu. Riêng đối với các bài kiểm tra định kỳ, triển khai kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan theo mức độ chuyên cần, năng lực của học sinh và yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và mục tiêu của môn học.

## **2. Điểm mạnh:**

### **2.1. Về đội ngũ**

Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường hầu hết có tuổi nghề còn trẻ; có năng lực, đam mê với việc ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; có tinh thần

trách nhiệm, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau. 100% CBGV-NV đều có trình độ Tin học (trong đó có 01 giáo viên trình độ Đại học Tin học, còn lại là chứng chỉ trình độ B).

## **2.2. Về học sinh**

Tổng số học sinh toàn trường 996 em. 100% các em có kỹ năng thực hành máy tính. 100% học sinh và gia đình học sinh đảm bảo đầy đủ các phương tiện phục vụ cho học trực tuyến.

Hàng năm, trong kì thi, hội thi học sinh Sáng tạo TNNND các cấp nhà trường đều có từ 01 sản phẩm tham gia dự thi.

## **2.3. Về cơ sở hạ tầng CNTT**

Máy tính xách tay và để bàn phục vụ cho quản lý và dạy học: 05; Máy in các loại: 05; Máy photo: 01; Máy scan: 01; Số giáo viên có máy tính cá nhân: 41/41; Tổng số camera giám sát: 16 đảm bảo triển khai dạy và học trực tuyến hiệu quả.

## **2.4. Về công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện**

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 469/KH-THĐPL ngày 26/09/2024 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ UDCNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025; ban hành Quyết định số 471/QĐ-THĐPL ngày 28/09/2024 Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo phụ trách CNTT, CDS năm học 2024-2025 trong đó có phân công, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong Ban chỉ đạo nhằm quản trị, quản lý các hoạt động liên quan đến CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục trong đơn vị.

Căn cứ Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024-2025, nhà trường đã ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của Phòng GD&ĐT thành phố Móng Cái.

Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến năm học 2024-2025 của nhà trường quy định rõ các nội dung:

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;

Hình thức dạy học trực tuyến;

Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng), tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các bộ phận liên quan, học sinh, gia đình học sinh trong quá trình triển khai thực hiện;

Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến;

Cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh;

Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến;

Nhà trường đã tích cực động viên, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia thực hiện nội dung chuyển đổi số được lồng ghép, tích hợp trong chương trình giảng dạy.

Nhà trường đã xây dựng được kho học liệu số.

Trên hệ thống của ngành có Bài giảng điện tử; kế hoạch bài dạy; Bài giảng E-learning; Tư liệu tham khảo;...

### 3.Điểm yếu:

Đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024-2025, tuy nhiên còn một số nội dung quy định chưa cụ thể:

Chưa có quy định rõ ràng các nguyên tắc; về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến;

Chưa có quy định cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên tham gia dạy học trực tuyến.

### 4.Kế hoạch cải tiến

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Kinh Phí
Xây dựng và ban hành quy chế dạy học trực tuyến đảm bảo phân định rõ nguyên tắc tổ chức; các điều kiện về CSVC, TB theo các tiêu chí cụ thể	Năm học 2024-2025	Ban lãnh đạo nhà trường	Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn, các đoàn thể trong công tác tham mưu góp ý bổ sung để xây dựng vào quy chế mang tính chặt chẽ, bao quát, phù hợp với từng đối tượng.	Không
Bổ sung quy định cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên tham gia dạy học trực tuyến gắn với trách nhiệm trong quá trình thực hiện	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng	Nghiên cứu các văn bản hướng dẫn của các cấp; đề xuất, tham mưu với Hiệu trưởng nhà trường để đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của giáo viên và học sinh	Không

### 5.Tự đánh giá: Đạt

#### Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

##### 1.1. Triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp

Nhà trường triển khai Kế hoạch 505/KH-THĐPL ngày 05/10/2024 về Tổ chức dạy học trực tuyến lồng ghép với dạy học trực tiếp năm học 2024-2025 bằng nhiều phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp như: Meeting Zoom, Google Meet.

##### 1.2. Việc tổ chức dạy học, quản lý trên phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp.

Giáo viên nhà trường sử dụng tốt các phần mềm dạy học trực tuyến, tổ chức triển khai dạy học trực tuyến trực tiếp để giảng bài và hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập đồng thời cho tất cả học sinh tham dự trong cùng một không gian học tập thông qua kênh hình, kênh tiếng, kênh chữ (chia sẻ màn hình máy tính), chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến đến học sinh; Qua đường link về nguồn học liệu của nhà trường:<https://drive.google.com/drive/u/2/folders/1DiLejTCDoHwgenlHcNIAzGyWg54wUEXI>

Nhà trường quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của học sinh và các hoạt động dạy của giáo viên; hỗ trợ quản lý các thông tin khác theo yêu cầu cơ sở giáo dục phổ thông và cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương trên Smas. <http://qlth.quangninh.edu.vn>

## **2.Điểm mạnh:**

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường, CBGV tương đối đầy đủ. 100% cán bộ giáo viên có máy tính kết nối internet đảm bảo thuận lợi việc dạy học trực tuyến.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn, ứng dụng CNTT tốt, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ bồi dưỡng về Tin học.

Nhà trường triển khai học tập bằng nhiều phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp đảm bảo việc giảng dạy, học tập phù hợp với nhiều đối tượng học sinh, giáo viên.

## **3.Điểm yếu:**

Đội ngũ giáo viên tuy được bồi dưỡng về tin học tương đối đầy đủ song việc ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, việc tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh trực tuyến, sử dụng các phần mềm dạy học, hệ thống quản lý học tập của ngành vẫn còn nhiều hạn chế.

## **4.Kế hoạch cải tiến**

Trong những năm học tiếp theo, tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng CBGV sử dụng hiệu quả các phần mềm dạy học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập của ngành.

Xây dựng đảm bảo kế hoạch thực hiện một số giờ dạy học trực tuyến trong năm học theo KH, phát huy tính tích cực, hiệu quả của việc dạy học trực tuyến góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

## **5.Tự đánh giá:**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
1- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp	0
2. Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS)	0
2.1. Giáo viên giao bài cho học sinh tự học	6
2.2. Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;	6
2.3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;	6
2.4. Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	6
<b>Tổng điểm: 24 - Đạt mức độ : 3</b>	

## **Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có học liệu bài giảng điện tử được giáo viên xây dựng theo chương

trình giáo dục phổ thông đã được tổ chuyên môn thông qua và ban giám hiệu phê duyệt. (<https://drive.google.com/drive/u/2/folders/1DiLejTCDoHwgenlHcNIAzGyWg54wUEXl>)

## 2. Điểm mạnh:

Học liệu điện tử sử dụng trong nhà trường đã được tổ chuyên môn phê duyệt được xây dựng phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

## 3. Điểm yếu:

Chưa sử dụng hệ thống LMS/LCMS trong quản lý dạy học, giao bài tập, kiểm tra đánh giá cho học sinh.

## 4. Kế hoạch cải tiến

Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn. Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường

Bộ phận phụ trách CNTT cập nhật các phần mềm dạy học, hỗ trợ hướng dẫn giáo viên, HS sử dụng để đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục;

## 5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10
<b>Tổng điểm: 10 - Đạt mức độ : 3</b>	

**Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính**

### 1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay nhà trường chưa có phòng Tin học để triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho giáo viên và học sinh.

### 2. Điểm mạnh

Đa số các đồng chí Cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn tốt, 100% giáo viên có máy tính xách tay để phục vụ cho việc dạy – học có ứng dụng công nghệ thông tin; trong đó: 01 đồng chí có trình độ Đại học Tin học.

### 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng học tin học.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, bổ sung phòng học tin học để đảm bảo trang bị đủ máy tính cho giáo viên, học sinh phục vụ công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng các phần mềm, ứng dụng phục vụ tổ chức thi, kiểm tra đánh giá trên máy tính. Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường

### 5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
a) Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN	0
b) Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	5
<b>Tổng điểm: 5 điểm - Đạt mức độ: không đạt</b>	

### Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trong năm học 2024-2025 trường Tiểu học Đào Phúc Lộc đã tập trung phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số.

#### 1.1. Triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên

Nhà trường đã tập trung phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số với tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu đạt 100%.

100% giáo viên có tài khoản trực tuyến trên hệ thống bồi dưỡng: Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chương trình bồi dưỡng thường xuyên (<https://taphuanquangninh.lms.vn.edu.vn/>) và các nội dung bồi dưỡng khác của Sở, Phòng và cơ sở giáo dục tổ chức như Học10.vn; Hoclieu.vn; ...

- Việc sử dụng các tài khoản, ứng dụng này cơ bản đã đem lại hiệu quả tích cực trong việc giảng dạy.

#### 1.2. Triển khai việc khai thác các phần mềm, công cụ dạy học nhằm đổi mới PPDH

- Nhà trường triển khai các giờ học trực tuyến trên phần mềm Zoom, Google Meet,...

- Nhà trường cử các giáo viên tham gia đầy đủ, có hiệu quả các khóa tập huấn hàng năm của Sở, Phòng Giáo dục.

Trong năm học, trên 50% giáo viên đã khai thác và sử dụng được các phần mềm, công cụ dạy học nhằm thuận lợi cho việc cập nhật hồ sơ sổ sách, đổi mới phương pháp, phát huy tính tích cực và chủ động của học sinh giúp cho tiết học, bài học thêm sôi nổi, đạt hiệu quả cao như Phần mềm Smas, phần mềm QLCB Camtasia Studio 9 trong thiết kế bài giảng, cắt ghép video, tách âm thanh, hình ảnh; ứng dụng phần mềm Quizizz, ... để thiết kế trò chơi học tập, Sử dụng phần mềm Ispring Suite 9 tạo bài giảng E-Learning. kỹ năng sử dụng Microsoft Word, Microsoft Excels,

Microsoft PowerPoint.

100% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số và bài giảng điện tử nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy.

### **1.3. Triển khai xây dựng học liệu số**

Nhà trường có triển khai kế hoạch giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định cho các lớp học được phân công giảng dạy.

Giáo viên đã thiết kế được các bài giảng Elearning để tham gia dự thi Thiết kế bài giảng Elearning do phòng giáo dục tổ chức bằng phần mềm Ispring Suite 9 tạo bài giảng E-Learning.

Xây dựng được các bài giảng điện tử có ứng dụng phần mềm Plickers, Quizizz, Class Dojo, ...

### **2. Điểm mạnh:**

Đội ngũ giáo viên trong nhà trường có nhiều kinh nghiệm, đam mê tìm hiểu về công nghệ. Có khả năng áp dụng CNTT tin tốt, đáp ứng được yêu cầu giáo dục hiện nay.

Giáo viên tích cực ứng dụng các phần mềm dạy học vào việc giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

Giáo viên có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ qua các hệ thống tự bồi dưỡng.

Việc triển khai ứng dụng CNTT, sử dụng học liệu số, thiết kế đồ dùng, dụng cụ dạy học, thiết kế bài giảng điện tử đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là trong bối cảnh các công nghệ thông tin ngày càng phát triển. Các học liệu số cung cấp nhiều lợi ích cho học sinh, giáo viên.

Học sinh có cơ hội trải nghiệm học tập tương tác, nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề.

Cung cấp cho học sinh nhiều tài liệu đa dạng, từ sách điện tử đến video giảng dạy và trò chơi giáo dục, giúp học sinh có thể học tập theo cách thích hợp nhất.

Tiết kiệm thời gian và chi phí cho học sinh, giáo viên và học sinh cơ hội tiếp cận với những kiến thức mới nhất và các tiến bộ trong ngành giáo dục.

Cung cấp thông tin và tài nguyên phong phú cho giáo viên, giúp họ tìm kiếm và sử dụng tài nguyên giáo dục đa dạng, từ đó giảm thiểu thời gian và chi phí tìm kiếm tài nguyên và cải thiện chất lượng giảng dạy.

Sử dụng các UDCTT, các phần mềm trong đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, giáo viên theo dõi tiến độ và đánh giá khả năng của học sinh đồng thời cung cấp phản hồi và hướng dẫn để học sinh có thể cải thiện kỹ năng của mình.

### **3. Điểm yếu:**

Hiện tại hệ thống CSVC phục vụ cho việc UDCNTT trong giảng dạy đã cũ, thường xuyên phải sửa chữa.

Một số giáo viên cao tuổi khả năng tiếp cận các phần mềm dạy học mới còn chưa nhanh.

Điều kiện gia đình học sinh còn khó khăn, tỉ lệ gia đình học sinh có máy tính

còn rất thấp nên ảnh hưởng đến việc tiếp cận tới các phương tiện học tập.

Việc sử dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy học chưa được nghiên cứu kỹ, dẫn đến việc ứng dụng nó không đúng chỗ, không đúng lúc, nhiều khi lạm dụng nó.

Việc đánh giá một tiết dạy có ứng dụng công nghệ thông tin còn lúng túng, chưa xác định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Chính sách, cơ chế quản lý còn nhiều bất cập, chưa tạo được sự đồng bộ trong thực hiện. Các phương tiện, thiết bị phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học bằng phương tiện chiếu projector, ... còn thiếu và chưa đồng bộ và chưa hướng dẫn sử dụng nên chưa triển khai rộng khắp và hiệu quả.

Việc kết nối và sử dụng Internet chưa được thực hiện triệt để và có chiều sâu; sử dụng không thường xuyên do thiếu kinh phí, do tốc độ đường truyền. Công tác đào tạo, công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chỉ mới dừng lại ở việc xoá mù tin học nên giáo viên chưa đủ kiến thức, mất nhiều thời gian và công sức để sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học một cách có hiệu quả.

#### **4. Kế hoạch cải tiến**

Giáo viên cần tiếp tục tự học qua các hệ thống bồi dưỡng và tích cực hơn nữa trong việc soạn giảng các bài giảng điện tử, thiết kế các trò chơi có ứng dụng phần mềm dạy học mới để gây hứng thú cho học sinh.

Nhà trường định kỳ rà soát việc triển khai ứng dụng CNTT việc xây dựng và sử dụng học liệu số, thiết kế bài giảng điện tử của giáo viên để việc sử dụng ứng dụng ngày càng hiệu quả.

Nhà trường tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ trong việc ứng dụng công nghệ cho toàn thể giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý nhà trường để hướng đến mục tiêu thực hiện thành công chuyển đổi số trong giáo dục. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Nhà trường phối hợp cùng với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn để tăng cường hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, vận động các nguồn xã hội hoá để hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập bình đẳng giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế xã hội khác nhau, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ và huy động nguồn lực xã hội hóa cùng tham gia thực hiện.

#### **5. Tự đánh giá:**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	07

Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	
Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	07
Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	06
<b>Tổng điểm: 19 - Đạt mức độ: 3</b>	

### **Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

100% các phòng học của nhà trường có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet. Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng thiết bị, thiết bị phụ trợ trong đó thể hiện việc khai thác, sử dụng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn.

Nhà trường xây dựng đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu. Hóa đơn tiền internet, sơ đồ mạng LAN, mạng internet, thiết bị kết nối không dây, ... Sơ đồ mạng internet của đơn vị, hình thức triển khai hạ tầng mạng, các thông số mạng (download, upload,...).

Nhà trường xây dựng Kế hoạch UD CNTT và CDS trong đó có nội dung đảm bảo an toàn thông tin mạng. Cuối năm nhà trường thực hiện Báo cáo tổng kết năm học có nội dung đảm bảo an toàn thông tin mạng.

#### **2. Điểm mạnh:**

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. Hệ thống Internet, camera được lắp đặt toàn bộ trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản trị nhà trường.

Đa số các đồng chí Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ bồi dưỡng về Tin học đạt trình độ từ A trở lên.

Có đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học, Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn được các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao luôn hoàn thành tốt.

#### **3. Điểm yếu:**

Đội ngũ giáo viên tuy có trình độ được bồi dưỡng về tin học tương đối đầy đủ song việc ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy vẫn còn nhiều hạn chế.

Chưa có phòng Tin học để phục vụ cho việc dạy – học môn Tin học hiệu quả.

#### **4. Kế hoạch cải tiến:**

Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo hệ

thông CNTT phục vụ cho công tác dạy và học.

Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống dữ liệu, các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn.

- Bộ phận phụ trách CNTT hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục;

### 5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
a) Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy - học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8
b) Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học	2
c) Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	0
<b>Tổng điểm: 10 – Đạt mức độ: 2</b>	

## 2. Nhóm Tiêu chuẩn 2: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

### Mở đầu:

Để thực hiện chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục ngay từ đầu năm học nhà trường thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục, có phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng trong đó có phân công lãnh đạo phụ trách và nội dung cụ thể. Để việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số có chất lượng, hiệu quả nhà trường ban hành kế hoạch Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Phân công lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phần mềm quản trị trong nhà trường và đánh giá mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến thông qua các dịch vụ như ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo, Fanpage của trường.

### Tiêu chí 2.1. Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số bao gồm các đồng chí cán bộ quản lý, giáo viên tin học, 1 số giáo viên cốt cán có khả năng ứng dụng CNTT, kỹ năng sử dụng công nghệ tốt. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập sau khi đã có sự nghiên cứu đánh giá năng lực đội ngũ, phân tích thực trạng của đơn vị. Quyết định thành lập được kèm theo phân công trách nhiệm, nhiệm vụ của từng thành viên cụ thể, chi tiết và phân công lãnh đạo phụ trách cùng nội dung lãnh đạo phụ trách đầy đủ chi tiết.

#### 2. Điểm mạnh

Việc thành lập Ban chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi

số trong năm học 2024-2025 và việc phân công phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nên những cá nhân được phân công đảm bảo năng lực, trình độ giúp nhà trường triển khai tốt việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

### 3. Điểm yếu

Viên chức CNTT làm đầu mối triển khai CNTT và công tác thống kê giáo dục còn kiêm nhiệm thêm nhiều nhiệm vụ khác của nhà trường nên đôi khi công tác triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục còn chưa kịp thời.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số bám sát với tình hình thực tiễn nhà trường hơn nữa, phân công nhiệm vụ đảm bảo cân đối, phù hợp với từng cá nhân để viên chức CNTT làm đầu mối triển khai CNTT và công tác thống kê giáo dục có đầy đủ điều kiện và thời gian để thực hiện tốt triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục tại nhà trường.

### 5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Đạt
<b>Đạt</b>	

## Tiêu chí 2.2. Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

### 1. Mô tả hiện trạng

a) Nhà trường có kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch xây dựng thể hiện rõ mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT, của cơ quan quản lý trực tiếp, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và điều kiện tình hình thực tế của nhà trường.

Nhà trường đã tuyên truyền kế hoạch tới toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của đơn vị trong cuộc họp hội đồng, và trên trang Fanpage nhà trường.

Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của nhà trường đảm bảo các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT.

b) Trong sổ nghị quyết Hội Đồng có ghi các nội dung ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của đơn vị, trong các cuộc họp hội đồng hiệu trưởng tuyên truyền tới toàn thể CBGV-NV của nhà trường

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công

bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Trong kế hoạch thể hiện rõ mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT, của cơ quan quản lý trực tiếp, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và điều kiện tình hình thực tế của nhà trường

Các kế hoạch đã được công khai trên trang Facebook của nhà trường từ đầu năm học, được niêm yết trên bảng tin phòng hội đồng. Đã tuyên truyền đầy đủ trong các cuộc họp hội đồng, cuộc họp phụ huynh học sinh, và các buổi phát thanh măng non.

### 3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa ghi đầy đủ các nội dung vào sổ họp đồng của mình, một số phụ huynh học sinh chưa có thiết bị thông minh để theo dõi các kế hoạch nhà trường triển khai trên Fanpage, trong các cuộc họp chưa thực sự quan tâm lắng nghe các nội dung GVCN triển khai.

### 4. Kế hoạch cải tiến

Nhà trường xây dựng kế hoạch sát sao hơn, quán triệt tới toàn thể CBGV-NV nghiêm túc việc ghi chép trong các cuộc họp hội đồng để nắm bắt tốt kế hoạch chuyển đổi số.

Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để phụ huynh học sinh trong các cuộc họp và các nhóm lớp để phụ huynh cũng như học sinh hiểu rõ hơn về chuyển đổi số trong nhà trường.

### 5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số
a) Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2024-2025	Đạt
b) Sổ nghị quyết Hội đồng ( cuộc họp tuyên truyền KH tự đánh giá chuyển số năm học 2024-2025)	Đạt
<b>Tổng điểm: Đạt</b>	

#### Tiêu chí 2.3. Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường

**Mức 1:** Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. Phân hệ quản lý cơ sở vật chất, thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe học sinh. Phân hệ quản lý kế toán.

**Mức 2:** Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Áp dụng chứng thư số. Kết nối trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành.

**Mức 3:** Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. Phân hệ quản lý cơ sở vật chất, thông tin y tế trường

học, quản lý thông tin sức khỏe học sinh. Phân hệ quản lý kế toán. Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Áp dụng chứng thư số. Kết nối trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (SMAS); Nhà trường đã ra Quyết định số 571/QĐ-THĐPL, ngày 25/10/2024 của hiệu trưởng trường TH Đào Phúc Lộc Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống quản trị trong nhà trường.

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học (SMAS) có phân hệ quản lý học sinh, được cấp quyền cho giáo viên chủ nhiệm từng lớp, có trách nhiệm cập nhật thông tin vào đầu năm học (đối với lớp 1) và thực hiện đối với tất cả các khối lớp trong suốt quá trình học tập tại nhà trường, bao gồm các thông tin chung, thông tin cá nhân và thông tin về gia đình của học sinh, triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, nhà trường cấp quyền sử dụng cho giáo viên giảng dạy các bộ môn trong nhà trường, có trách nhiệm cập nhật điểm kiểm tra giữa các kỳ và cuối kỳ đảm bảo tính chính xác đúng quy định của ngành, về tiến độ được chuyên môn nhà trường kiểm tra, giám sát thường xuyên để đôn đốc nhắc nhở kịp thời. Đối với học bạ được tự động cập nhật trực tuyến, việc thực hiện in, ký đóng dấu của nhà trường để lưu trữ hàng năm vào cuối năm học hoặc học sinh chuyển trường, chuyển cấp học đúng theo quy định.

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS, có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trong nhà trường (bao gồm cả GVHD); phần mềm cập nhật thông tin cá nhân CBGVNV được cấp quyền và quản trị cập nhật hàng năm về lý lịch, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, đảng, đoàn, diễn biến lương, phụ cấp thâm niên nghề (<https://ccvc.quangninh.gov.vn>).

Phần mềm MISA có phân hệ quản lý cơ sở vật chất được giao cho Kế toán trực tiếp quản trị, có nhiệm vụ cập nhật thông tin hàng năm về CSVS, tài sản của nhà trường hoặc khi có biến động về tài sản trong nhà trường.

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS, có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe học sinh, đối với nội dung này quản trị nhà trường cấp quyền cho nhân viên y tế, có trách nhiệm cập nhật thông tin sức khỏe học sinh đầu năm khi có kết quả khám sức khỏe đằm năm cho học sinh. Nội dung khám được nhà trường ký kết hợp đồng với trạm y tế hàng năm.

Phần mềm MISA có phân hệ quản lý kế toán được giao cho Kế toán trực tiếp quản trị, và được phân quyền quản trị của Hiệu trưởng riêng biệt, được sử dụng trong việc chi trả lương, thâm niên nghề cho CBGVNV, thanh toán các loại hình dịch vụ, thuê mướn.

Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)<sup>1</sup>

### **2. Điểm mạnh:**

Nhà trường đã triển khai tốt các phần mềm trong công tác quản lý, quản trị nhà trường, khả năng sử dụng phần mềm đáp ứng được các yêu cầu của công tác quản lý,

quản trị trong nhà trường, đảm bảo tính chính xác linh hoạt. CBQL, giáo viên, nhân viên đều đáp ứng các yêu cầu về sử dụng phần mềm trực tuyến, thuận tiện cho công tác quản lý trong nhà trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử, thành lập tổ quản trị để quản lý các phần mềm trực tuyến, đảm bảo theo quy định.

Việc duy trì và sử dụng phần mềm quản lý trường học trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo an ninh, an toàn.

### **3. Điểm yếu:**

Việc cập nhật thông tin trên phần mềm của giáo viên có cá nhân còn chậm so với quy định; cập nhật thông tin học sinh còn thiếu.

Việc sử dụng các tính năng trong các phân hệ được cấp còn hạn chế, hoặc chưa thực hiện (Quản lý Y tế, CSVC chưa cập nhật kịp thời).

### **4. Kế hoạch cải tiến:**

Trong những năm học tiếp theo tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng quản lý và sử dụng phần mềm trên cơ sở các phân hệ đã mở đảm bảo đúng quy định, an toàn; tiếp tục nghiên cứu và mở thêm các phân hệ khác và khai thác một số hiệu quả phục vụ cho công tác quản lý trong nhà trường.

Quản trị trong nhà trường thực hiện tốt các quy định trong việc sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử đảm bảo an toàn đúng quy định; thực hiện đúng thời gian việc gia hạn các phần mềm để đảm bảo kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ.

Phân khai nguồn tài chính để duy trì nâng cấp các phần mềm hàng năm và công tác bảo đảm an toàn an ninh các phần mềm trực tuyến dùng trong nhà trường.

### **5. Tự đánh giá:**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
Quy chế sử dụng Hệ thống quản trị nhà trường - SMAS Phần mềm quản lý trường học.	8
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý học sinh)	8
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử)	10
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV)	8
Phần mềm Misa (Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất)	10
Phần mềm quản lý trường học SMAS (Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh)	10

Phần mềm kế toán Misa (Có triển khai phân hệ quản lý kế toán)	8
Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành <a href="https://csdl.moet.gov.vn">https://csdl.moet.gov.vn</a>	8
<b>Tổng điểm: 70 - Đạt mức độ: 3</b>	

## **Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

a) Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng **Zalo**. Việc sử dụng ứng dụng này cơ bản đã đem lại hiệu quả tích cực trong việc kết nối, truyền thông giữa gia đình và nhà trường.

b) Nhà trường có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến qua Hệ thống tuyển sinh trực tuyến Quảng Ninh <https://quangninh.tsd.edu.vn/> với tỉ lệ 100% phụ huynh học sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6 tham gia. Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2023-2024, tuyên truyền phổ biến trên các kênh thông tin để học sinh, phụ huynh học sinh nắm bắt.

Hệ thống tuyển sinh trực tuyến Quảng Ninh cung cấp 03 chức năng chính là: Tìm kiếm thông tin tuyển sinh; đăng ký hồ sơ tuyển sinh trực tuyến, tra cứu. Với ứng dụng này đã giải quyết được khó khăn của phụ huynh gặp phải khi cần tìm hiểu tình hình tuyển sinh, giảm công sức làm thủ tục đăng ký, nắm được quá trình xử lý hồ sơ đã đăng ký. Mặt khác, ứng dụng còn giúp cho nhà trường giảm thời gian xác minh, kiểm tra hồ sơ, ...

c) Nhà trường có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và hợp đồng liên kết thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt với Ngân hàng BIDV. Ứng dụng được triển khai **BIDV SmartBanking**, áp dụng đối với dịch vụ học phí, tỉ lệ 100% học sinh tham gia.

### **2. Điểm mạnh:**

Việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng **Zalo** được phụ huynh đồng thuận. Việc triển khai cơ bản thuận lợi nhờ phụ huynh đáp ứng được đầy đủ phương tiện hiện đại đáp ứng yêu cầu sử dụng ứng dụng.

Việc triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến qua Hệ thống tuyển sinh trực tuyến Quảng Ninh của nhà trường cũng được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả. Nhà trường đã tích cực thực hiện các công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để hỗ trợ phụ huynh tối đa trong việc đăng ký tuyển sinh trực tuyến. Trong kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025, nhà trường xây dựng nội dung cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương.

Nhà trường đã triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt thuận lợi, nhận được sự đồng thuận của 100% phụ huynh học sinh. Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến phụ huynh học sinh được nhà trường triển khai hiệu quả.

### **3. Điểm yếu:**

Việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo còn gặp khó khăn ở một bộ phận phụ huynh học sinh. Nguyên nhân là do, một bộ phận phụ huynh học sinh còn thường xuyên chưa cập nhật thông tin trên Zalo. Do đó, việc triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt cũng gặp khó khăn với một bộ phận phụ huynh học sinh này.

### **4. Kế hoạch cải tiến**

Nhà trường định kỳ rà soát việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo. Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin phản hồi của phụ huynh học sinh để việc sử dụng ứng dụng ngày càng hiệu quả.

Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để phụ huynh học sinh trang bị phương tiện hiện đại đáp ứng điều kiện cần thiết sử dụng các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường và ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt. Nhà trường phối hợp cùng với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn để tăng cường hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, vận động.

### **5. Tự đánh giá:**

<b>Chỉ số</b>	<b>Điểm số</b>
a) Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	8
b) Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	12
c) Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10
<b>Tổng điểm: 30 - Đạt mức độ: 3</b>	

### **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

*Phần này cần ngắn gọn, nhưng phải nêu được những vấn đề sau:*

- Tiêu chí 1.3: Đạt mức độ 3 - đáp ứng tốt (tổng điểm: 24 điểm)
- Tiêu chí 1.4: Đạt mức độ 3 - đáp ứng tốt (tổng điểm: 10 điểm)
- Tiêu chí 1.5: Chưa đạt – (tổng điểm: 5 điểm)
- Tiêu chí 1.6: Đạt mức độ 3- đáp ứng tốt (tổng điểm: 19 điểm)
- Tiêu chí 1.7: Đạt mức độ 2- đáp ứng tốt (tổng điểm: 10 điểm)
- Tiêu chí 2.3: Đạt mức độ 3- đáp ứng tốt (tổng điểm: 70 điểm)
- Tiêu chí 2.4: Đạt mức độ 3 - đáp ứng tốt (tổng điểm: 30 điểm)
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức độ 2;
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số 2;

*Trần Phú, ngày 26 tháng 5 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Cao Thị Hoa**

